

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hằng

Bà Trần Thị Kim Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày ngày 29 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang cư trú tại: F1. No. 24. Aly33 Ln152. Sec.2 Zhong xing Rd, Zhudong Township, Hsinchu country 310, Taiwan (R.o.c).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau từ năm 1989 tại UBND xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du. Trước khi kết hôn ông và bà H được tự do tìm hiểu nhau. Việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Ông bà có 02 người

con chung là anh Trần Sơn T sinh năm 1991 và anh Trần Trường S, sinh năm 1993.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại thôn Đ. Quá trình sinh sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn không thống nhất trong quan điểm sống, thường cãi nhau, đôi khi dẫn đến xô xát. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 7/2018, bà H tự ý đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về. Trong thời gian bà H đi Đài Loan, ông bà không liên lạc, quan tâm tới nhau. Nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai:* Bà kết hôn với ông Trần Văn Q, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Đ, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau. Ông bà sống ly thân từ tháng 5 năm 2016. Đến ngày 01-7-2018, bà đi làm giúp việc tại Đài Loan. Nay ông Q có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 người con chung là anh Trần Sơn T, sinh ngày 24-5-1991 và anh Trần Trường S, sinh ngày 09-4-1993. Các con chung đã lớn, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Do bà hiện đang làm việc tại Lãnh thổ Đài Loan nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh vì vậy bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý vụ án đến lúc Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H địa chỉ tại Thôn Đ, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện bà H đang cư trú tại Lãnh thổ Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan, thông báo cho bà H biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn giữa ông Q với bà H. Trong văn bản trả lời của bà H gửi cho Tòa án, Ban quản lý lao động Việt Nam tại Đài Bắc xác nhận bà H đang làm việc tại Lãnh thổ Đài Loan, bà đã được Tòa án thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do đang lao động tại nước ngoài nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định giải quyết, xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 05 tháng 12 năm 1989 tại UBND xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du. Các đương sự đều xác nhận, trước khi kết hôn đã được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà H là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, ông Q và bà H chung sống với nhau tại thôn Đ, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du. Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không thống nhất trong quan điểm sống, thường cãi nhau, đôi khi dẫn đến xô xát. Vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tháng 7/2018, bà H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Lãnh thổ Đài Loan lao động đến nay chưa về. Trong thời gian này vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm tới ai. Ông Q xác định vợ chồng không còn tình cảm, ông đề nghị ly hôn thì bà H cũng đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông Q và bà H đã trở nên trầm trọng, đã sống ly thân, không quan tâm tới nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H cũng đồng ý. Vì vậy, cần cho ông Q ly hôn với bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do con chung đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Văn Q và anh bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Xác nhận ông Q đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004417 ngày 25-3-2019 và 200.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0004431 ngày 10-4-2019 cùng tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Anh